TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 24/8/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngô Phiên

2. Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa Ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2021; giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Anh Chu Văn Đ, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ ***Bị đơn:*** Chị Lục Thị H, sinh năm 1997 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Bản B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo anh Chu Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Lục Thị H vào ngày 11/3/2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm. Vì vậy vợ chồng thường xuyên sảy ra bất đồng cãi chửi nhau. Đến tháng 10/2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T, huyện Y sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh Đ xin ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Thị Mẫn N, sinh ngày 29/10/2016, nay con chung đang ở với chị H, hiện cháu khỏe mạnh và phát triển

bình thường. Nay ly hôn anh Đ nhất trí để chị H được tiếp tục nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nhưng anh Đ tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2021.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác. Anh Đ xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai của chị Lục Thị H trình bầy: Chị kết hôn với anh Chu Văn Đ vào ngày 11/3/2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L Giang như anh Đ trình bầy là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm. Vì vậy vợ chồng thường xuyên sảy ra bất đồng cãi chửi nhau. Đến tháng 11/2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở T, huyện Y sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh Đ xin ly hôn chị H nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Chu Thị Mẫn N, sinh ngày 29/10/2016, nay con chung đang ở với chị, hiện cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác. Chị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Về nội dung vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 207; Điều 208; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5, điểm c, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016, của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn Đ: Xử cho anh Đ được ly hôn chị Lục Thị H.

- Về con chung: Giao cho chị Lục Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Mẫn Nhi, sinh ngày 29/10/2016. anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2021.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền thăm con chung không ai được cản trờ anh Đ thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ anh Đ, chị H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của anh Chu Văn Đ và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn chị Lục Thị H có hộ khẩu thường trú ở xã T, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý vụ kiện đã triệu tập chị H đến tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải chị H đến nhưng không ký và bỏ về. Căn cứ Điều 207; Điều 208; Vụ án không tiến hành hòa giải được; phiên tòa mở ngày 24/8/2021 do tình hình dịch bệnh Covid, anh Đ, chị H không đến tham gia phiên tòa và có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Chu Văn Đ và chị Lục Thị H.

[2] Về nội dung: Anh Chu Văn Đ kết hôn cùng chị Lục Thị H vào ngày 11/3/2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm nên vợ chồng thường xuyên sảy ra bất đồng mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đến tháng 11/2019 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ xin ly hôn, chị H cũng nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ, chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên anh Đ xin ly hôn chị H là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Chu Văn Đ. Xử cho anh Chu Văn Đ được ly hôn chị Lục Thị H

Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị H có 01 con chung là Chu Thị Mẫn N, sinh ngày 29/10/2016, nay con chung ở với chị H, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con, tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ, tại đơn xin vắng mặt chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Phía anh Đ đồng ý đẻ chị H nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ. Xét thấy hiện nay cháu Mẫn Nhi đang ở ổn định với chị H, cả chị H và anh Đ cũng nhất trí để chị H tiếp tục được nuôi con, Do vậy cần giao cháu Chu Thị Mẫn N cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy mặc dù chị H không yêu cầu cấp dưỡng nhưng phía anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ đây là sự tự nguyện và trách nhiệm của người bố đối với con đảm bảo quyền lợi cho cháu N nên cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Đ.

Về quyền thăm non con chung. Sau khi ly hôn anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Về tài sản, vay nợ, ruộng canh tác: anh Đ, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, điểm c, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016, của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Chu Văn Đ được ly hôn với chị Lục Thị H

Về con chung: Giao cho chị Lục Thị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Chu Thị Mẫn N, sinh ngày 29/10/2016. anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/9/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Về tài sản, công nợ: anh Đ, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tiền án phí: anh Chu Văn Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ 300.000đ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004734 ngày 16/4/2021.

Về quyền kháng cáo các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự; Lưu HS;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh